

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

VỀ ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

TS. Nguyễn Đình Luận

Đại học Sài Gòn

Email: luan.nd@cb.sgu.edu.vn

Nhiệm vụ chính của giáo dục đại học là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội; tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp các dịch vụ cho xã hội.

Hệ thống các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam hiện nay được phân bố rộng khắp trong cả nước, hầu như địa phương nào cũng có cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam vẫn chưa tiếp cận được với trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới, chưa theo kịp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chưa thực sự gắn công tác đào tạo với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao của xã hội. Nội dung bài viết này tác giả đã nêu ra những cơ hội, thách thức, thực trạng của giáo dục đại học Việt Nam, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm đổi mới toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

Từ khóa: Giáo dục đại học; đổi mới toàn diện

1. Bối cảnh kinh tế - xã hội

Việt Nam đang bước vào thời kỳ phát triển mạnh với vị thế và diện mạo mới. Kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển biến mạnh theo chiều hướng giảm dần lao động trong nông nghiệp và tăng dần lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ. Chúng ta cũng đang từng bước hội nhập tích cực vào WTO (tổ chức Thương mại Thế giới). Việc chủ động và tích cực hội nhập vào WTO đã tạo cho chúng ta có nhiều thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm qua đối phó với khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, Chính phủ đã có những điều chỉnh chính sách nhằm đối phó với những biến động của kinh tế thế giới cụ thể như: năm 2008 thu hẹp tài khóa và thắt chặt tiền tệ để kiềm chế lạm phát; năm 2009 kích cầu đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng; trong năm 2010-2011 thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ chặt chẽ, linh hoạt để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Năm 2011 là năm đầy khó khăn với nền kinh tế, nhưng cũng đã thể hiện được tín hiệu vĩ mô tích cực, mở ra kỳ vọng sáng sủa hơn cho năm 2012 và những năm tiếp theo.

Xu hướng nền kinh tế tri thức phát triển do đó con người và tri thức càng trở thành nhân tố quyết định cho các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

2. Thực trạng Giáo dục đại học Việt Nam trong thời gian qua

Nhiệm vụ chính của giáo dục đại học là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Hệ thống các cơ sở giáo dục đại học nước ta hiện nay được phân bố rộng khắp trong cả nước, hầu hết 63 tỉnh và TP trực thuộc Trung ương đều có các cơ sở đào tạo đại học, các ngành nghề đào tạo đa dạng hóa, phương thức đào tạo linh hoạt,... theo hướng hội nhập với xu thế chung của khu vực và thế giới.

Trong những năm qua, đi đôi với đầu tư cho nền kinh tế, Chính phủ Việt Nam đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, xây dựng các chính sách mới cho giáo dục, trong đó giáo dục đại học đã và đang được quan tâm rất lớn. Về quy mô đào tạo đã có những thay đổi đáng kể, như: năm 1987 cả nước mới có 101 trường đại học

Bảng 1: Số lượng trường cao đẳng, đại học Việt Nam tính đến 30/6/2012

TT	Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Số trường đại học	Số lượng Học viện, Nhạc viện	Số trường cao đẳng	Tổng
A	CÁC TỈNH, TP PHÍA BẮC	99	21	115	235
1	TP. Hà Nội	55	21	26	102
2	27 tỉnh, TP khác	44	0	89	133
B	CÁC TỈNH, TP PHÍA NAM	94	4	97	195
1	TP. Hồ Chí Minh	41	2	24	67
2	34 tỉnh, TP khác	53	2	73	128
	Tổng (A + B) - 63 tỉnh, TP	193	25	212	430

Nguồn: Những điều cần biết về tuyển sinh đại học và cao đẳng năm 2012

và cao đẳng (63 trường đại học và 38 trường cao đẳng), đến năm 2009 cả nước có 376 trường đại học và cao đẳng, tăng 3,7 lần (trong đó có 150 trường đại học và 226 trường cao đẳng). Năm học 1992 – 1993, Việt Nam chỉ có khoảng 162.000 sinh viên đại học và cao đẳng, đến năm học 2008-2009 Việt Nam đã có trên 1,7 triệu sinh viên đang theo học tại 376 trường đại học và cao đẳng, năm 2012 có 430 trường đại học và cao đẳng, thể hiện trên bảng 1.

Chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2012 tăng mạnh, thể hiện trên bảng 2.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả bước đầu đã đạt được, nhằm đề ra các giải pháp đổi mới sâu sắc giáo dục đại học Việt Nam từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo, chúng ta cần nhìn nhận một cách khách quan và thẳng thắn thực trạng giáo dục đại học của Việt Nam trong những năm qua còn những mặt hạn chế nào, những mặt nào cần phải hoàn thiện và đổi mới. Một số hạn chế của giáo dục đại học Việt Nam trong những năm qua là:

Một là, cần nhấn mạnh đến chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn nhiều bất cập, là nguyên nhân cơ bản của việc chất lượng giáo dục đại học cải thiện không nhiều trong những năm qua. Thay vì thực hiện các chức năng kiểm tra, giám sát bằng việc áp đặt và can thiệp nhiều vào sự chủ động, linh hoạt của các cơ sở

đào tạo như: từ năm 2004 đến nay, thực hiện đề án đổi mới chương trình đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các trường xây dựng chương trình khung cho các khối ngành, điều này đến nay cho thấy chương trình đào tạo của các trường mất tính linh hoạt. Bộ Giáo dục và Đào tạo không chế quá chặt về chương trình khung, yêu cầu các trường phải tuân thủ một cách cứng nhắc. Hoặc Bộ quy định các trường thực hiện ba công khai và phải công khai trên website, các phương tiện thông tin đại chúng để người học có thể dựa theo đó lựa chọn trường học và các kiến thức mà sinh viên được trang bị khi tốt nghiệp, đáng lẽ Bộ Giáo dục và Đào tạo phải tổ chức thanh tra, kiểm tra các thông tin trên để đảm bảo quyền lợi của người học, nhưng điều này hầu như bỏ ngỏ cho các trường tự tuyên bố “không”, điều này cho thấy những cam kết và quản lý việc thực hiện cam kết của các trường là không khả thi.

Hai là, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục còn thiếu về số lượng, chất lượng và còn hạn chế về trình độ, đây là yếu tố quyết định đến công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học. Tỷ lệ giảng viên có chức danh, học hàm, học vị trong hệ thống giáo dục đại học còn quá thấp so với yêu cầu và so với mặt bằng chung của các nước trong khu vực và trên thế giới. Theo thống kê, ngoại trừ đợt phong học hàm đầu tiên (năm 1976), tính từ năm 1980 đến hết năm 2011, số lượng Giáo sư là 1.432 người và Phó Giáo sư là 7.750 người.

Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2011, tổng số giảng viên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng trong cả nước là trên 70.000 người, số giảng viên đạt trình độ Tiến sĩ chỉ chiếm khoảng 10%. Như vậy, để đạt được yêu cầu mỗi bộ môn trong một cơ sở giáo dục đại học có ít nhất 1 Giáo sư và một số Phó Giáo sư thì tỷ lệ Giáo sư, Phó Giáo sư làm giảng viên hiện nay là quá thấp.

Bảng 2: Chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2012

Các tỉnh, Thành phố trực thuộc TW	Chỉ tiêu tuyển sinh	
	Đại học	Cao đẳng
1. TP. Hà Nội	116.523	55.438
2. TP. Hồ Chí Minh	77.69	64.215
3. 61 tỉnh, thành khác	137.173	177.705
Tổng cộng (1-3)	331.386	297.358

Nguồn: Những điều cần biết về tuyển sinh đại học và cao đẳng năm 2012

Ba là, các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng trong giáo dục đại học chỉ mới nêu chung chung chưa cụ thể và không rõ ràng, mục tiêu giáo dục, đào tạo quy định còn rất tổng quát, chưa quy định cụ thể về kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ cần thiết cho từng trình độ đào tạo; các điều kiện đảm bảo chất lượng khác như: điều kiện thành lập trường đại học, điều kiện đăng ký mở ngành, tổ chức đào tạo và đánh giá kiểm định chương trình đào tạo không cụ thể. Chưa thực hiện việc kiểm tra thực tế các điều kiện cần thiết cho phép mở ngành đào tạo và tuyển sinh. Chế tài xử lý đối với các trường không thực hiện đúng cam kết về các điều kiện mở ngành và tuyển sinh chưa đủ mạnh.

Bốn là, hoạt động đánh giá và kiểm định các điều kiện đảm bảo chất lượng đang ở giai đoạn đầu, còn gặp nhiều khó khăn, chưa hình thành được các tổ chức kiểm định độc lập. Việc quy định các trường phải xây dựng chuẩn năng lực người tốt nghiệp (chuẩn đầu ra) chỉ mới thể hiện trên văn bản nên chưa có cơ sở đánh giá đúng chất lượng đào tạo. Hệ thống quản lý chất lượng trong giáo dục đại học chậm được hình thành (năm 2004 Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục mới được thành lập).

Năm là, nghiên cứu khoa học là một trong hai nhiệm vụ quan trọng của giảng viên đại học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tuy nhiên việc triển khai nhiệm vụ này trong các trường đại học chưa được quan tâm đúng mức, nguồn lực dành cho nghiên cứu khoa học quá ít ỏi, ngân sách đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các trường đại học còn thấp, mang tính dàn trải, thiếu tập trung, hiệu quả thấp. Cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học ở các trường đại học và cao đẳng cũ và thiếu. Ví dụ, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội từ lâu được xem là một trong những trung tâm nghiên cứu Khoa học công nghệ (KHCN) lớn và có uy tín của cả nước, thế nhưng hàng năm trường chỉ được đầu tư hơn 17,5 tỷ đồng kinh phí cho sự nghiệp khoa học. Trong khi đó, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, không phải là cơ quan nghiên cứu khoa học, nhưng lại được đầu tư tới gần 21 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp khoa học. Hay Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, một đơn vị sản xuất kinh doanh cũng được đầu tư trên 13 tỷ đồng từ ngân sách KHCN, nhiều hơn so với mức đầu tư cho nhiều trường đại học lớn như Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội chỉ được gần 11,8 tỷ đồng, Đại học Xây dựng Hà Nội gần 8,6 tỷ đồng, Đại học Kinh tế Quốc dân hơn 6 tỷ đồng và

Đại học Giao thông Hà Nội chỉ được 3,1 tỷ đồng ...

Sáu là, Việt Nam đã gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) từ tháng 7/2007 và đang hội nhập sâu rộng vào khu vực và trên thế giới. Để tận dụng được cơ hội, vượt qua được thách thức và cạnh tranh thì nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế, đủ sức để đưa nền kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ Việt Nam phát triển là một nhu cầu cấp thiết. Thế nhưng, lĩnh vực hợp tác quốc tế tại các trường đại học ở Việt Nam còn nhiều hạn chế, việc trao đổi giảng viên với các nước trong khu vực và trên thế giới chưa được mở rộng, chưa xây dựng được các chương trình nghiên cứu với sự tham gia hợp tác của các nhà khoa học nước ngoài là cầu nối cho việc công bố các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học quốc tế. Theo Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ngày 2 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về việc đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 đề ra mục tiêu "Đến năm 2020 giáo dục đại học Việt Nam phải đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới, có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng XHCN". Theo thống kê của Cục Đào tạo với nước ngoài Bộ Giáo dục & Đào tạo, nước ta hiện có trên 100.000 du học sinh theo học tại 49 quốc gia, vùng lãnh thổ, trong đó khoảng 90% đi học bằng kinh phí tự túc, chỉ có khoảng 10% đi du học bằng nguồn ngân sách nhà nước. Con số này đã tăng gấp 10 so với 10 năm trước. Trong khi đó, hiện nay có gần 10.000 du học sinh nước ngoài đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam. Từ các số liệu này chúng ta thấy số lượng du học sinh là chưa nhiều và việc thu hút du học sinh các nước đến Việt Nam số lượng còn rất khiêm tốn.

Bảy là, tự chủ trong giáo dục đại học có thể nói bao gồm 6 lĩnh vực sau: Tự chủ trong quản lý nhà trường; phân bổ nguồn lực; tuyển chọn nhân sự, tài chính và điều kiện làm việc; tuyển chọn sinh viên; chương trình đào tạo và giảng dạy; quyết định chuẩn đào tạo, đánh giá và cấp văn bằng. Ở nước ta hiện nay, việc tự chủ trong giáo dục đại học chưa được hiểu và nghiên cứu một cách thấu đáo. Với chức năng quản lý nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo trên thực tế đã làm thay công việc của các trường, từ bỏ nhiệm vụ cán bộ lãnh đạo nhà trường, bỏ nhiệm vụ học hàm Giáo sư, Phó giáo sư, phê duyệt chương trình khung (chuẩn chương trình), phân bổ chỉ tiêu đào tạo, quyết định việc mở ngành mới và mức học phí (đối với các trường công lập). Đúng ra

vai trò của Bộ Giáo dục và Đào tạo là xây dựng khuôn khổ chính sách, hành lang pháp lý cho các trường, trong khi các trường cần được thực sự tự chủ theo quy định của pháp luật, nhưng phải chịu trách nhiệm đối với xã hội và trách nhiệm giải trình.

3. Một số đề xuất về đổi mới toàn diện giáo dục – đại học Việt Nam

Muốn thay đổi thực trạng và đổi mới toàn diện giáo dục đại học hiện nay phải bắt đầu từ việc xác định lại triết lý giáo dục. Các quốc gia trên thế giới, mỗi quốc gia đều có triết lý giáo dục riêng của mình, Việt Nam cần phải xác định được triết lý giáo dục đúng đắn, tiên tiến, đổi mới tư duy về giáo dục đại học, phù hợp với nhu cầu của thời đại. Cần làm cho mục tiêu giáo dục đại học đạt được 4 yêu cầu là: Học để hiểu biết, học để làm việc, học để làm người, học để chung sống.

Học để hiểu biết: thực hiện chức năng nâng cao dân trí, tạo cho mọi người nhận thức học suốt đời để không ngừng nâng cao hiểu biết về tự nhiên, xã hội, con người và chính bản thân mình.

Học để làm việc: mỗi người phải nhận thức được, để đáp ứng nhu cầu việc làm trong xã hội và có năng lực lập nghiệp thì phải được trang bị đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

Học để làm người: nâng cao bản lĩnh làm người thể hiện trong cách sống, đối nhân xử thế, đối phó được với những biến động của xã hội và nghề nghiệp.

Học để chung sống: phát triển cá nhân để hội nhập, chia sẻ “Minh vì mọi người, mọi người vì mình”, truyền bá tư tưởng, văn minh của dân tộc và nhân loại.

Từ sự phân tích trên tác giả xin đề xuất một số giải pháp nhằm đổi mới giáo dục đại học một cách toàn diện như sau:

Một là, đẩy mạnh trao quyền tự chủ, tự quyết định những vấn đề chuyên môn cụ thể thuộc phạm vi hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học. Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý nhà nước chuyển dần vai trò từ kiểm soát sang giám sát hoạt động của nhà trường và tập trung vào hoạch định chính sách và giám sát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện, xóa bỏ dần cơ chế xin – cho. Việc giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học là một tất yếu khách quan nhưng cần phải có một lộ trình thực hiện và căn cứ vào năng lực cụ thể của từng trường chứ không thể thực hiện đồng loạt và như nhau. Bởi vì, năng lực và kinh nghiệm quản lý của các cơ sở

giáo dục đại học của Việt Nam hiện nay còn có sự chênh lệch khá xa, tinh thần tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học chưa được thể hiện đầy đủ. Mối quan hệ giữa người học và nhà trường cũng chưa được tự xử lý, người dân vẫn còn thói quen tìm đến cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục để được bảo vệ quyền lợi của mình khi nhà trường vi phạm việc thực hiện quyền tự chủ.

Hai là, các cơ sở giáo dục đại học phải xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, có chính sách thu hút các nhà giáo có học vị, học hàm cao, các nhà khoa học nước ngoài, các cơ quan nghiên cứu tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở các trường đại học Việt Nam. Bồi dưỡng năng lực quản trị trường đại học cho lãnh đạo các trường đại học, cao đẳng và cán bộ trẻ trong diện quy hoạch cán bộ quản lý của các trường. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

Ba là, đẩy mạnh các hoạt động quản lý chất lượng, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo về đảm bảo chất lượng giáo dục dành cho cán bộ của các cơ sở giáo dục đại học, thành lập các đơn vị chuyên trách để triển khai các hoạt động về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học. Tiến hành kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục đại học và chương trình giáo dục đại học, hình thành mạng lưới các cơ quan đảm bảo chất lượng có chức năng đánh giá ngoài, nhằm xúc tiến việc đánh giá các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục. Đảm bảo các điều kiện cho các hoạt động đảm bảo chất lượng, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục ở trong nước, phát triển theo đúng xu thế của đảm bảo chất lượng, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục trên thế giới.

Bốn là, Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, nghiên cứu khoa học phải được coi trọng để đảm bảo chất lượng đại học. Tạo cho mỗi giảng viên nhận thấy đây là nhiệm vụ không thể thiếu và xem mình như những thành viên của cộng đồng khoa học và đại học thế giới, tạo ra sự gắn bó và hội nhập quốc tế của giới khoa học và đại học Việt Nam. Gắn kết chặt chẽ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với đào tạo sau đại học, nhất là đào tạo tiến sĩ. Hình thành cơ chế giao kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học với nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh, đảm bảo cho các nhà khoa học vừa có kinh phí để thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, vừa có kinh

phí hỗ trợ nghiên cứu sinh triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu.

Năm là, mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng các cơ chế chính sách thu hút đầu tư nước ngoài trong giáo dục đại học theo các hình thức thích hợp cho từng giai đoạn phát triển như: cơ sở đào tạo đại học 100% vốn nước ngoài, cơ sở liên doanh, liên kết, gắn hợp tác trong đào tạo với nghiên cứu khoa học. Thực hiện tốt các cam kết hội nhập WTO và các cam kết quốc tế khác trong giáo dục đại học. Tranh thủ các nguồn học bổng để phát triển nguồn nhân lực trình độ cao cho các cơ sở giáo dục đại học, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học, tạo các mối liên kết lâu dài và bền vững giữa các cơ sở giáo dục Việt Nam với các đối tác quốc tế. Tạo điều kiện để người học được giao lưu trao đổi kiến thức chuyên môn, và khả năng sử dụng ngoại ngữ với các trường đại học, cao đẳng của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Sáu là, đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình và phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Từng bước và tiến tới phổ cập chuyên từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ. Đảm bảo đủ giáo trình, tài liệu học tập và tài liệu tham khảo cho các môn học chính của từng ngành đào tạo, xây dựng thư viện giáo trình điện tử để chia sẻ tài nguyên dùng chung.

Bảy là, đổi mới công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, thiết thực; nói đầu vào, nâng cao chất lượng đầu ra, gắn chặt với các doanh nghiệp, nơi sử dụng lao động, để có thông tin phản hồi thường xuyên của các doanh nghiệp, thực hiện hiệu quả việc đào tạo theo nhu cầu xã hội; tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học. Bộ Giáo dục và Đào tạo chú trọng xây dựng các tiêu chí đảm bảo chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học.

Tám là, nhà nước cần tăng cường đầu tư xây

Tài liệu tham khảo:

1. Báo điện tử đất Việt, “Đầu tư cho khoa học đang không hợp lý”, 15/10/2012.
2. Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 của Chính phủ.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về “Khoa học giáo dục Việt Nam”*, Hải Phòng tháng 2/2011.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, “*Những điều cần biết về tuyển sinh đại học và cao đẳng năm 2012*”, NXB Giáo dục Việt Nam 2012.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, “*Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI*”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2011.
6. Đại học Kinh tế - Luật, “*Kỷ yếu hội thảo Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhu cầu cấp bách*”, TP. Hồ Chí Minh, tháng 9/2011.

dựng cơ sở hạ tầng cho giáo dục đại học, tập trung xây dựng một số cơ sở dùng chung như: trung tâm dữ liệu quốc gia, hệ thống thư viện điện tử, phòng thí nghiệm trọng điểm, ký túc xá và các cơ sở văn hóa, thể thao cho sinh viên. Huy động nguồn lực để đảm bảo hạ tầng mạng Internet, kết nối hệ thống thư viện điện tử và cung cấp các phần mềm quản lý cơ bản cho hệ thống giáo dục đại học. Đổi mới chính sách tài chính và huy động nguồn lực, xác lập sự chia sẻ chi phí giáo dục đại học giữa Nhà nước, người học và xã hội, xây dựng cơ chế học phí, học bổng, tín dụng sinh viên phù hợp. Thực hiện nguyên tắc người học phải trả học phí với mức hợp lý; Nhà nước thực hiện trợ giúp một phần hoặc toàn bộ học phí đối với đối tượng chính sách, người nghèo, trực tiếp thông qua người học. Các cơ sở giáo dục đại học cần chủ động thực hiện đa dạng hóa nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục đại học, khai thác triệt để các nguồn lực từ nghiên cứu và triển khai, nguồn lực từ các dịch vụ tư vấn, từ hợp tác và đầu tư của nước ngoài. Các cơ sở giáo dục đại học được tự chủ về hạch toán thu – chi theo nguyên tắc lấy thu bù đắp chi phí hợp lý và có tích lũy cần thiết để phát triển cơ sở vật chất nhà trường nhằm đáp ứng quy mô và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Chất lượng giáo dục đại học là yếu tố quyết định đến sự phát triển kinh tế- xã hội, cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao, nâng cao khả năng cạnh tranh và lợi thế của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học sẽ là thước đo chuẩn mực trong việc đánh giá chất lượng giáo dục đại học. Giáo dục đại học Việt Nam muốn có những thay đổi và những bước đột phá cần tiến hành “tái cấu trúc” lại toàn bộ hệ thống để dần hoàn thiện và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. □